TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Hữu Phúc
Ông Nguyễn Văn Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2017/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 328/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Quốc V, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. NLQ1 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Trà Vinh.

2. NLQ2 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm O, phường Y, thị xã Z, tỉnh Trà Vinh.

3. NLQ3 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm O, phường Y, thị xã Z, tỉnh Trà Vinh.

4. NLQ4 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm I, phường Y, thị xã Z, tỉnh Trà Vinh.

5. NLQ5 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm I, phường Y, thị xã Z, tỉnh Trà Vinh.

6. NLQ6 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm O, phường Y, thị xã Z, tỉnh Trà Vinh.

7. NLQ7 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm O, phường Y, thị xã Z, tỉnh Trà Vinh.

8. NLQ8 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm O, phường Y, thị xã Z, tỉnh Trà Vinh.

9. NLQ9 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Trà Vinh.

10. NLQ10 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

11. NLQ11 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm O, phường Y, thị xã Z, tỉnh Trà Vinh.

12. NLQ12 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm O, phường D, thị xã Z, tỉnh Trà Vinh.

13. NLQ13 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 9, đường Đ, phường R, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

14. NLQ14 (vắng mặt)

Địa chỉ: AANiu Loop Peasi City, Hawai - USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 8 năm 2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy L trình bày: Chị và anh Phạm Quốc V kết hôn với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Z, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc. Đến tháng 6 năm 2016, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi với nhau và sống ly thân đến nay. Do vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Có hai người tên Phạm Việt Mỹ, sinh ngày 27/10/2007 và Phạm Đăng Khoa, sinh ngày 14/3/2012. Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai người con chung và yêu cầu anh V có

nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi người con bằng 1.000.000 đồng/tháng, cho đến khi hai đứa con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Năm 2009, vợ chồng đã xây dựng một căn nhà, loại nhà cột bằng gỗ, nền lát gạch tàu, vách tole, diện tích chiều ngang là 06 mét, chiều dài là 15 mét; 01 cái quán, cột bằng gỗ, nền láng xi măng, vách lá, diện tích chiều ngang là 06 mét, chiều dài là 10 mét; 02 cái quán, cột bằng gỗ, nền láng xi măng, diện tích chiều ngang là 04 mét, chiều dài là 15 mét; 02 cái motor; 01 xe nước mía; 01 cái tivi, hiệu Samsung; 01 cái máy nghe nhạc; 01 cái giường sắt; 01 bộ cây; 02 cái tủ lạnh; 01 chiếc xe hiệu Yamaha, biển số 84F1-162.30; 01 chiếc xe hiệu Wave Alpha. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được sử dụng chiếc xe hiệu Yamaha và các tài sản dùng trong sinh hoạt gia đình. Riêng chiếc xe Wave Alpha, chị đồng ý chia cho anh V được hưởng.

Về nợ chung gồm có: Nợ tiền hụi chết của NLQ2 bằng 40.000.000 đồng. Nợ tiền hụi chết của chị NLQ3 bằng 6.900.000 đồng. Nợ tiền hụi chết của NLQ4 bằng 15.700.000 đồng. Nợ tiền hụi chết củaNLQ5 bằng 63.500.000 đồng. Nợ tiền của NLQ6 bằng 52.000.000 đồng. Nợ tiền hụi chết của NLQ7 bằng 45.000.000 đồng. Nợ tiền của NLQ8 bằng 5.000.000 đồng. Nợ tiền của NLQ9 bằng 48.000.000 đồng. Nợ tiền của NLQ10 bằng 7.000.000 đồng. Nợ tiền của NLQ11 bằng 8.000.000 đồng. Nợ tiền của NLQ12 bằng 3.000.000 đồng. Nợ tiền NLQ13 bằng 18.340.000 đồng. Nợ NLQ14 bằng 1.400 USD. Tất cả các khản nợ này, chị có trách nhiệm trả 50% (Năm mươi phần trăm) cho các chủ nợ. Anh V có trách nhiệm trả 50% (Năm mươi phần trăm) cho các chủ nợ.

Theo bị đơn anh Phạm Quốc V trình bày: Anh thống nhất theo ý kiến trình bày của chị L về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và anh cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh V thống nhất giao cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai người con chung tên Phạm Việt Mỹ và Phạm Đăng Khoa; đồng thời, anh thống nhất cấp dưỡng cho mỗi người con bằng 1.000.000 đồng/tháng, cho đến khi hai đứa con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh V thống nhất về số tài sản chung mà chị L trình bày; đồng thời, thống nhất chia đôi giá trị tài sản chung hiện có.

Về nợ chung: Anh thừa nhận có thiếu nợ NLQ14 bằng 1.400 USD. Nợ tiền của NLQ12 bằng 3.000.000 đồng. Nợ tiền của NLQ6 bằng 14.000.000 đồng. Nợ tiền của NLQ11 bằng 8.000.000 đồng. Còn các khoản nợ khác, không phải là nợ chung mà là nợ riêng của chị L nên anh không thừa nhận.

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 7 năm 2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, NLQ5 trình bày: Vào năm 2015, chị có làm đầu thảo hụi, loại hụi 500.000 đồng; chị L tham gia một phần và đã hốt xong, nhưng còn 09 kỳ hụi chết chị L chưa đóng nên còn nợ số tiền bằng 4.500.000 đồng. Ngày 20/02/2015, chị mở một dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng; chị L tham gia một

phần và đã hốt xong, nhưng còn 10 kỳ hụi chết chị L chưa đóng nên còn nợ số tiền bằng 10.000.000 đồng. Ngày 15/10/ 2015, chị mở một dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng; chị L tham gia một phần và đã hốt xong, nhưng còn 14 kỳ hụi chết chị L chưa đóng nên còn nợ số tiền bằng 14.000.000 đồng. Ngày 15/5/2015, chị mở một dây hụi, loại hụi 500.000 đồng; chị L tham gia một phần và đã hốt xong, nhưng còn 16 kỳ hụi chết chị L chưa đóng nên còn nợ số tiền bằng 8.000.000 đồng. Ngày 29/3/2016, chị mở một dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng; chị L tham gia một phần và đã hốt xong, nhưng còn 27 kỳ hụi chết chị L chưa đóng nên còn nợ số tiền bằng 27.000.000 đồng. Tổng số tiền hụi chết mà chị L còn nợ bằng 63.500.000 đồng (4.500.000 + 10.000.000 + 14.000.000 + 8.000.000 + 27.000.000 = 63.500.000 đồng). Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L và anh V có nghĩa vụ trả số tiền hụi còn thiếu bằng 63.500.000 đồng (Sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 7 năm 2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, NLQ5 trình bày: Ngày 25/6/2015, bà mở một dây hụi, loại hụi 2.000.000 đồng; chị L tham gia một phần và đã hốt xong, nhưng còn 08 kỳ hụi chết chị L chưa đóng nên còn nợ số tiền bằng 16.000.000 đồng. Ngày 15/8/2015, bà mở một dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng; chị L tham gia một phần và đã hốt xong, còn 09 kỳ hụi chết chị L chưa đóng nên còn nợ số tiền bằng 9.000.000 đồng. Ngày 10/3/2016, bà mở một dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng; chị L tham gia một phần và đã hốt xong, nhưng còn 15 kỳ hụi chết chị L chưa đóng nên còn nợ số tiền bằng 15.000.000 đồng. Tổng số tiền hụi chết mà chị L còn nợ bằng 40.000.000 đồng (16.000.000 + 9.000.000 + 15.000.000 = 40.000.000 đồng). Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L và anh V phải có nghĩa vụ trả số tiền hụi còn thiếu bằng 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 7 năm 2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, NLQ6 trình bày: Vào ngày 18/6/ 2016, chị L có vay tiền của chị bằng 52.000.000 đồng, nhưng chưa trả. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L và anh V có nghĩa vụ trả số tiền bằng 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, NLQ1 trình bày: Ông có cho vợ chồng chị L, anh V cất nhà và cất quán trên diện tích đất của ông. Tuy nhiên, phần đất này ông chưa chia cho vợ chồng chị L, anh V mà chỉ cho sử dụng tạm thời.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, NLQ9 trình bày: Chị có cho chị L và anh V mượn số tiền bằng 48.000.000 đồng, nhưng chưa trả. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L và anh V phải có nghĩa vụ trả cho chị số tiền bằng 48.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, NLQ4 trình bày: Ngày 05/6/2016, chị có cho chị L mượn số tiền bằng 20.000.000 đồng, sau đó chị L đã trả được 4.300.000 đồng. Còn lại 15.700.000 đồng chưa trả.

Theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, NLQ8 trình bày: Năm 2014, chị có cho chị L mượn số tiền bằng 5.000.000 đồng, nhưng chưa trả. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L và anh V có nghĩa vụ trả số tiền bằng 5.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, NLQ3 trình bày: Chị có cho chị L mượn số tiền bằng 6.900.000 đồng, nhưng chưa trả. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L và anh V có nghĩa vụ trả số tiền bằng 6.900.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại gồm: NLQ10, NLQ11, NLQ12 và NLQ13 đã được Tòa án thông báo để thực hiện quyền khởi kiện, nhưng đã quá thời hạn do Tòa án ấn định mà không đến Tòa án làm thủ tục khởi kiện, làm bản tự khai.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đối với quan hệ hôn nhân, tại phiên tòa chị L và anh V đều tự nguyên ly hôn với nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh V. Đối với con chung, chị L và anh V thỏa thuận giao cho chị L được trực tiếp nuôi hai người con chung; đồng thời, thỏa thuận anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi người con bằng 1.000.000 đồng/tháng, nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa chị L và anh V. Đối với tài sản chung, tại phiên tòa chị L rút một phần yêu cầu chia tài sản chung, chị L chỉ yêu cầu chia cho chị L được hưởng một chiếc xe môtô nhãn hiệu Yamaha Nouvo mà chị L đang quản lý, cùng với một tủ lạnh lớn và một xe mước mía. Anh V cũng đồng ý chia cho chị L được hưởng các tài sản như chị L yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu chia tài sản chung của chị L; công nhận sự thỏa thuận giữa chị L và anh V về việc chia tài sản chung. Đối với phần nợ chung, chị L thừa nhận các khoản nợ đúng như các chủ nợ yêu cầu, khoản nợ này nằm trong thời kỳ hôn nhân; đồng thời, chị L khai khoản tiền đó chị L sử dụng vào nhu cầu thiết yếu trong gia đình, nên buộc chị L có nghĩa vụ trả 50% cho các chủ nợ (NLQ5, NLQ2, NLQ6) và buộc anh V có nghĩa vụ trả 50% cho các chủ nợ. Ngoài ra, cần buộc chị L và anh V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con, án phí dân sự sơ thẩm; chi phí thẩm định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm NLQ1, NLQ3, NLQ4, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ12 đều vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Riêng người đại diện hợp pháp của NLQ13 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Phạm Quốc V kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, chị L và anh V đều đồng ý ly hôn với nhau. Do đó, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh V.

[3] Về con chung: Chị L và anh V thỏa thuận giao cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Việt Mỹ, sinh ngày 27/10/2007 và cháu Phạm Đăng Khoa, sinh ngày 14/3/2012; đồng thời, chị L và anh V thỏa thuận anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng/một người con. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai người con đủ 18 tuổi. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa chị L và anh V là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội; phù hợp với lợi ích của con, nên Hội đồng xét xử công nhận.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, chị L rút một phần yêu cầu chia các tài sản chung gồm: Một căn nhà, loại nhà cột gỗ, nền lát gạch tàu, vách tol, diện tích chiều ngang là 06 mét, chiều dài là 15 mét; ba cái quán, loại cột gỗ, nền láng xi măng, vách lá; một cái tivi hiệu Samsung; một bộ cây. Do, các tài sản này đã hư hỏng hoàn toàn, hiện nay không còn. Chị L chỉ yêu cầu chia tài sản chung cho chị Liễu được hưởng 01 (Một) chiếc xe môtô hiệu Yamaha Nouvo, biển số 84F1-162.30 do chị L đang quản lý; một cái tủ lạnh hiệu LG (Tủ lạnh lớn), khối lượng tịnh 64kg, Rater Volume 288lít, Cross Volume 315 lít; một xe nước mía. Các tài sản còn lại, chị L giao cho anh V quản lý sử dụng. Anh V cũng đồng ý chia cho chị L được hưởng các tài sản như chị L yêu cầu. Do đó, đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu chia tài sản chung của chị L; công nhận sự thỏa thuận giữa chị L và anh V về việc chia tài sản chung.

[5] Về nợ chung: NLQ5 cho rằng trong thời gian vợ chồng chị L, anh V còn sống chung thì chị L có tham gia 05 phần hụi do NLQ5 làm đầu thảo. Sau khi bỏ thăm hốt xong 05 phần hụi, chị L có đóng tiền hụi chết cho NLQ5 được một thời gian thì ngưng đóng, nên tổng số tiền hụi 05 phần chị L còn nợ NLQ5 bằng 63.500.000 đồng (Sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng). Tương tự, NLQ2 cho rằng trong thời gian vợ chồng chị L, anh V còn sống chung thì chị L

có tham gia 03 phần hụi do NLQ2 đầu thảo. Sau khi bỏ thăm hốt xong 03 phần hụi, chị L có đóng tiền hụi chết cho bà NLQ2 được một thời gian thì ngưng đóng, nên tổng số tiền hụi 03 phần, chị L còn nợ NLQ2 bằng 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Cũng tương tự, NLQ6 cho rằng trong thời gian vợ chồng chị L, anh V còn sống chung, có nợ tiền vay và nợ tiền hụi của NLQ6 bằng 52.000.000 đồng (Năm mươi hại triệu đồng), đến nay chưa trả. Nhưng tại phiên tòa, NLQ6 chỉ yêu cầu chị L và anh V trả bằng 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng). Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh V không thừa nhận có thiếu nợ NLQ2, NLQ5; đồng thời, anh V chỉ thừa nhận có thiếu nợ chị NLQ6 bằng 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng). Tuy nhiên, chị L thừa nhận còn nợ tiền hụi chết của NLQ5 bằng 63.500.000 đồng (Sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) như NLQ5 yêu cầu; còn nợ tiền hụi chết của NLQ2 bằng 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) như NLQ2 yêu cầu; còn nợ tiền vay và tiền hụi của NLQ6 bằng 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) như NLQ6 yêu cầu. Đồng thời, chị L còn khai số tiền chị L được lãnh sau mỗi lần trúng thăm hốt hụi do NLQ5 và NLQ2 làm đầu thảo, cũng như số tiền vay, tiền hụi của NLQ6, chị L đều sử dụng vào nhu cầu thiết yếu của gia đình, không sử dụng cho nhu cầu cá nhân của chị L. Theo khoản 1 Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật này"; theo khoản 1 Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình". Đối chiếu quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 với lời khai của chị L về việc sử dụng nguồn tiền lãnh hụi và tiền vay. Cho thấy, anh V cho rằng anh không có trách nhiệm trả nợ cho NLQ5, cho NLQ2 và một phần nợ của NLQ6, là không phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NLQ5, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NLQ2, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NLQ6; buộc chị Nguyễn Thị Thúy L có nghĩa vụ trả cho NLQ5 50% (Năm mươi phần trăm) khoản nợ bằng 31.750.000 đồng (Ba mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), trả cho NLQ2 50% (Năm mươi phần trăm) khoản nợ bằng 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), trả cho NLQ6 50% (Năm mươi phần trăm) khoản nợ bằng 21.000.000 đồng (Hai mươi mốt triệu đồng) và buộc anh Phạm Quốc V có nghĩa vụ trả cho NLQ5 50% (Năm mươi phần trăm) khoản nợ bằng 31.750.000 đồng (Ba mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), trả cho NLQ2 50% (Năm mươi phần trăm) khoản nợ bằng 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), trả cho NLQ6 50% (Năm mươi phần trăm) khoản nợ bằng 21.000.000 đồng (Hai mươi mốt triệu đồng).

Riêng các khoản nợ của các chủ nợ khác gồm: NLQ3 bằng 6.900.000 đồng (Sáu triệu chín trăm nghìn đồng), NLQ4 bằng 15.700.000 đồng (Mười lăm triệu

bảy trăm nghìn đồng), NLQ7 bằng 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng), NLQ8 bằng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), NLQ9 bằng 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng), NLQ10 bằng 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), NLQ11 bằng 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), NLQ12 bằng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), NLQ13 bằng 18.340.000 đồng, NLQ14 1.400 USD (Một nghìn bốn trăm đô la). Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho các chủ nợ biết để thực hiện quyền khởi kiện (BL 141, 142, 145, 146, 147, 148, 149, 150, 151). Nhưng đã hết thời hạn do Tòa án ấn định, các chủ nợ không thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Khi có yêu cầu, các chủ nợ được quyền khởi kiện ở các vụ án dân sự khác tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền.

[6] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Theo khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định "Trường hợp yêu cầu Tòa án chia tài sản chung thì mỗi người được chia tài sản phải chịu phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản theo tỷ lệ giá trị tài sản được chia". Do chị Nguyễn Thị Thúy L nộp tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sản bằng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và đã chi hết, nên buộc chị Nguyễn Thị Thúy L phải chịu bằng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng); buộc anh Phạm Quốc V phải chịu bằng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) để hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thúy L.

[6] Về án phí: Theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định "Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Các đương sự trong vụ án hôn nhân và gia đình có tranh chấp về việc chia tài sản chung của vợ chồng thì ngoài việc chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 của Nghị quyết này, còn phải chịu án phí đối với phần tài sản có tranh chấp như đối với vụ án dân sự có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia". Ngoài ra, các đương sự còn chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản thực hiện nghĩa vụ với người thứ ba, chịu án phí cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, buộc chị Nguyễn Thị Thúy L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tài sản được chia bằng 775.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với tổng số tiền trả nợ cho NLQ5, NLQ2, NLQ6 bằng 3.637.500 đồng (Ba triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Buộc anh Phạm Quốc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (Án phí cấp dưỡng nuôi con) bằng 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tài sản được chia bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn

đồng) và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với tổng số tiền trả nợ cho NLQ2, NLQ5, NLQ6 bằng 3.637.500 đồng (Ba triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 157, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 100, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, điểm e khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Phạm Quốc V.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Phạm Quốc V về việc giao cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Việt Mỹ, sinh ngày 27/10/2007 và cháu Phạm Đăng Khoa, sinh ngày 14/3/2012; anh Phạm Quốc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng/một người con (Mỗi người con bằng một triệu đồng một tháng). Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Phạm Việt Mỹ và cháu Phạm Đăng Khoa đủ 18 tuổi.

Anh Phạm Quốc V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị Nguyễn Thị Thúy L cùng các thành viên gia đình không được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu chia tài sản chung của chị L; công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Phạm Quốc V về việc chia tài sản chung. Cụ thể:

Chia cho chị Nguyễn Thị Thúy L được hưởng 01 (Một) chiếc xe môtô, nhãn hiệu Yamaha Nouvo, biển số 84F1-162.30 do chị L đang quản lý; 01 (Một) cái tủ lạnh (Tủ lạnh lớn), hiệu LG, khối lượng tịnh 64kg, Rater Volume 288lít, Cross Volume 315lít; 01 (Một) xe nước mía.

Chia cho anh Phạm Quốc V được hưởng 01 (Một) chiếc xe môtô, nhãn hiệu Honda Weva Alpha, biển số 84F7-7214 do anh V đang quản lý; 02 (hai) motor; 01 (Một) máy nghe nhạc; 01 (Một) cái giường ngủ bằng sắt.

4. Về nợ chung:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NLQ5.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NLQ2.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NLQ6.

Buộc chị Nguyễn Thị Thúy L có nghĩa vụ trả cho NLQ5 50% (Năm mươi phần trăm) khoản nợ bằng 31.750.000 đồng (Ba mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), trả cho NLQ2 50% (Năm mươi phần trăm) khoản nợ bằng 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), trả cho NLQ6 50% (Năm mươi phần trăm) khoản nợ bằng 21.000.000 đồng (Hai mươi mốt triệu đồng).

Buộc anh Phạm Quốc V có nghĩa vụ trả cho NLQ5 50% (Năm mươi phần trăm) khoản nợ bằng 31.750.000 đồng (Ba mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), trả cho NLQ2 50% (Năm mươi phần trăm) khoản nợ bằng 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), trả cho NLQ6 50% (Năm mươi phần trăm) khoản nợ bằng 21.000.000 đồng (Hai mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Riêng các khoản nợ của các chủ nợ khác gồm: NLQ3, NLQ4, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ12, NLQ13, NLQ14. Do các chủ nợ không thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Khi có yêu cầu, các chủ nợ được quyền khởi kiện ở vụ án dân sự khác tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền.

5. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Buộc chị Nguyễn Thị Thúy L phải chịu bằng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Buộc anh Phạm Quốc V phải chịu bằng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) để hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thúy L.

6. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thúy L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 4.412.500 đồng (Bốn triệu bốn trăm mười hai nghìn năm trăm đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp bằng 2.213.750 đồng (Hai triệu hai trăm mười ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng), theo biên lai số 0006350 ngày 11/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Z và trừ vào số tiền chị L đã nộp bằng 675.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai số 0012960 ngày 02/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh. Án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị Thúy L phải nộp tiếp bằng 1.323.750 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Buộc anh Phạm Quốc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch bằng 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 3.937.500 đồng (Ba triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng)

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho NLQ5 bằng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0012956 ngày 26/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho NLQ2 bằng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), theo biên lai số 0012955 ngày 25/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho NLQ6 bằng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), theo biên lai số 0012954 ngày 25/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Đê